

Số: 447 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 05 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO
Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT NĂM 2021

1. Những ưu điểm và kết quả đạt được

a) Về việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

- Việc ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật (ghi rõ tên, số ký hiệu, ngày tháng ban hành của văn bản):

Thực hiện Quyết định số 49/QĐ-TTg ngày 13/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 28/01/2021 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021.

- Việc hướng dẫn, đôn đốc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật (ghi rõ tên, số ký hiệu, ngày tháng ban hành của văn bản):

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 22/01/2021 triển khai thực hiện Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Quán triệt thực hiện kế hoạch của UBND tỉnh, Sở Tư pháp ban hành Công văn số 462/STP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 11/3/2021 về việc triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021.

Thực hiện Công văn số 710/VPCP-PL ngày 28/01/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc đánh giá thi hành pháp luật năm 2020, UBND tỉnh ban hành Công văn số 298/UBND-NC ngày 16/3/2021 về việc thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật; Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 16/3/2021 triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của



Luật Xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Ban hành Công văn số 872/UBND-NC ngày 23/6/2021 về việc gửi danh mục văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất; giao rừng và chuyển mục đích sử dụng rừng; bảo vệ môi trường biển và hải đảo; các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy; Công văn số 1348/UBND-NC ngày 31/8/2021 về việc triển khai thực hiện Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 của Bộ Tư pháp.

- Việc kiểm tra tình hình thi hành pháp luật (ghi rõ số lượng cuộc kiểm tra; thời gian, địa điểm tiến hành kiểm tra tình hình thi hành pháp luật):

Thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trọng tâm, liên ngành đối với lĩnh vực cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất; giao rừng và chuyển mục đích sử dụng rừng; bảo vệ môi trường biển và hải đảo; các điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 11/6/2021 về kiểm tra công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm liên ngành năm 2021; Quyết định số 2433/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 về việc thành lập đoàn kiểm tra liên ngành công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật năm 2021. Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh nên Đoàn kiểm tra không trực tiếp kiểm tra công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm, liên ngành.

Các đơn vị, địa phương được kiểm tra theo Kế hoạch số 17/KH-UBND của UBND tỉnh đã thực hiện báo cáo kết quả tự kiểm tra tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm liên ngành tại đơn vị, địa phương. Đoàn kiểm tra đã tổng hợp ban hành Báo cáo số 2639/BC-ĐKT ngày 30/11/2021 kết quả kiểm tra công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật về lĩnh vực cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất; giao rừng và chuyển mục đích sử dụng rừng; bảo vệ môi trường biển và hải đảo; các điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy; xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

- Việc điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật (ghi rõ số lượng cuộc điều tra, khảo sát; thời gian, địa điểm tiến hành điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật):

Từ ngày 16/9/2021 đến ngày 18/10/2021, Sở Tư pháp phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức phát và thu 300 phiếu điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất, bảo vệ môi trường biển và hải đảo; giao rừng và chuyển mục đích sử dụng rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng; các điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy (đạt 100% theo kế hoạch) để lấy ý kiến của cán bộ, công chức, viên chức tại các sở, ngành gồm: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an tỉnh; UBND các huyện, thành phố: Hà Tiên, Phú Quốc, Hòn Đất, Tân Hiệp, Gò Quao. Cuộc điều tra khảo sát đảm bảo thực hiện đúng theo quy định tại Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 28/01/2021 của UBND tỉnh; Thông tư

số 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP. Công tác phối hợp điều tra khảo sát đảm bảo tính khách quan, chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức theo Điều 8 Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Ngày 19/11/2021, Sở Tư pháp ban hành Báo cáo số 2534/BC-STP kết quả điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2021.

- Việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật (số lượng vụ việc, vấn đề xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý từ kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát và thu thập thông tin):

Qua kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát và thu thập thông tin, UBND tỉnh đề xuất, kiến nghị:

Thứ nhất, đề xuất Chính phủ kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung:

Luật Đất đai năm 2013

- Khoản 3 Điều 108 Luật Đất đai quy định thời điểm tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất là thời điểm Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất. Thực tế giá đất cụ thể tính tiền thuê đất tại các khu công nghiệp tăng lên từng năm, điển hình như Khu công nghiệp Thạnh Lộc các năm tăng như sau: Năm 2015 là 550.000 đồng/m²; năm 2017 là 630.000 đồng/m²; năm 2019 là 1.049.000 đồng/m²; năm 2021 là 1.100.000 đồng/m² (giá đất áp dụng cho thời hạn thuê đất 70 năm).

Phương án xử lý: Đề xuất sửa đổi, bổ sung giá đất cụ thể tính tiền thuê đất trong khu công nghiệp cần xây dựng chu kỳ tính tiền thuê đất ổn định từ 03 đến 05 năm để kêu gọi đầu tư, do khu công nghiệp mang tính đặc thù phục vụ cho hoạt động sản xuất của các nhà máy, giải quyết việc làm cho người lao động nông thôn, không mang tính kinh doanh mua bán và ít biến động trên thị trường bất động sản.

- Điều 149 Luật Đất đai quy định về trường hợp nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp lựa chọn hình thức trả tiền thuê đất hàng năm thì những nhà đầu tư thứ cấp thuê lại cũng chỉ với hình thức thuê đất trả tiền thuê hàng năm. Do đó nhà đầu tư thứ cấp không được quyền lựa chọn hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần, sẽ trở thành khó khăn khi doanh nghiệp muốn thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn tại các ngân hàng trong quá trình triển khai dự án.

Phương án xử lý: Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định này theo hướng cho phép các nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp hoặc nhà đầu tư thứ cấp được lựa chọn hình thức thuê đất trả tiền một lần hoặc thuê đất trả tiền hàng năm tùy theo khả năng tài chính của nhà đầu tư.

Luật Đầu tư

- Tại khoản 4 Điều 41 Luật Đầu tư quy định: *“Đối với dự án đầu tư được chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư không được điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư quá 24 tháng so với tiến độ thực hiện dự án đầu tư quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư lần đầu, trừ những trường hợp ...”*.

Nội dung vướng mắc: Trường hợp, dự án đã được điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư 24 tháng so với tiến độ thực hiện dự án đầu tư quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư lần đầu và không thuộc các trường hợp bất khả kháng theo quy định. Tuy nhiên, dự án đó vẫn chậm tiến độ thì phải xử lý dự án như thế nào?

Phương án xử lý: Đề nghị xem xét bổ sung quy định hình thức xử lý đối với trường hợp nhà đầu tư không đảm bảo tiến độ đăng ký đầu tư.

- Tại điểm b khoản 5 Điều 40 Luật Đầu tư công quy định người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch UBND các cấp thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức thẩm định dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch; điểm d khoản 5 Điều 40 Luật Đầu tư công quy định căn cứ ý kiến thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch để người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phê duyệt dự toán.

Phương án xử lý: Đề nghị xem xét có văn bản hướng dẫn thống nhất đối tượng thực hiện thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án (đầu tư).

Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai

Nội dung vướng mắc: Khoản 2 Điều 38a Nghị định số 43/2014/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 24 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP quy định đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ xây dựng kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp nếu được Nhà nước cho thuê đất để đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp thì được cho thuê lại đất sau khi đã đầu tư kết cấu hạ tầng. Tuy nhiên, trường hợp Trung tâm Phát triển hạ tầng khu kinh tế là đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ về tài chính khi thuê đất của Nhà nước để đầu tư kết cấu hạ tầng và cho thuê lại đất thì chưa được hướng dẫn cụ thể.

Phương án xử lý: Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai năm 2013 để áp dụng cơ chế cho thuê đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ về tài chính đang đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp.

Thứ hai, kiến nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung:

- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu

Nội dung vướng mắc: Điều 12 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP quy định về lập hồ sơ mời thầu như sau: *“Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án thì căn cứ theo quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư*

hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư”. Tuy nhiên, Điều này chưa xác định cơ quan thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu.

Phương án xử lý: Đề xuất bổ sung thêm quy định cơ quan thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu và cơ quan phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch

Nội dung vướng mắc: Khoản 3 Điều 13 Nghị định 37/2019/NĐ-CP quy định: “*Trường hợp cần thiết, cơ quan, tổ chức tham gia xây dựng nội dung quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh lựa chọn tư vấn đáp ứng điều kiện về mặt năng lực chuyên môn quy định tại Điều 4 Nghị định này để xây dựng nội dung quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh được phân công theo nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt*”.

Tuy nhiên, tại Điều 16 Luật Quy hoạch quy định: “*Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch*”; Như vậy, cơ quan lập quy hoạch đã lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch tỉnh (tổng thể), và trước khi thuê đơn vị tư vấn đã có lập dự toán, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phân bổ kinh phí về cho cơ quan tổ chức thực hiện. Nhưng khi đến giai đoạn lập các nội dung giao các đơn vị thực hiện lại được phép thuê đơn vị tư vấn (một phần trong tổng thể) để tổ chức thực hiện.

Phương án xử lý: Sửa đổi khoản 3 Điều 13 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP cho thống nhất với Điều 16 Luật Quy hoạch.

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng

Nội dung vướng mắc: Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP quy định: “*Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp đã xác định chủ đầu tư) tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án quy hoạch tại khoản 1 Điều này trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, 4 Điều này*”.

Tuy nhiên, điểm b khoản 5 Điều 40 Luật Đầu tư công quy định người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch UBND các cấp thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức thẩm định dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch. Đồng thời, điểm d khoản 5 Điều 40 Luật Đầu tư công quy định căn cứ ý kiến thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch để người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch UBND các cấp phê duyệt dự toán.

Phương án xử lý: Ban hành văn bản hướng dẫn thống nhất đối tượng thực hiện thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án (đầu tư).

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

KIỆN

Nội dung vướng mắc: Tại điểm d khoản 9 Điều 26 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định: “*Trường hợp điều chỉnh tăng vốn đầu tư của dự án, nhà đầu tư nộp bổ sung số tiền ký quỹ hoặc bổ sung bảo lãnh ký quỹ của tổ chức tín dụng tương ứng với số vốn đầu tư tăng theo quy định tại quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư...*”. Tuy nhiên, việc ký quỹ bổ sung không quy định thời gian thực hiện và chế tài trong trường hợp nhà đầu tư không thực hiện việc ký quỹ bổ sung.

Phương án xử lý: Đề nghị xem xét, ban hành văn bản pháp luật hướng dẫn chi tiết hơn đối với trường hợp không thực hiện hoặc kéo dài thời gian thực hiện ký quỹ bổ sung.

- Nghị định 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Nội dung vướng mắc: Điểm b khoản 6 Điều 21 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP quy định: “*Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Bộ trưởng, người đứng đầu tư cơ quan trung ương, cơ quan khác, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: không quá 15 ngày*”.

Quy định này không phù hợp trong thực tế thực hiện vì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh họp theo định kỳ quy định. Do đó, sau khi thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và trình chủ trương thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh không thể quyết định chủ trương đầu tư trong 15 ngày.

Phương án xử lý: Sửa đổi, bổ sung nội dung này theo hướng quy định thời gian quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo kỳ họp của Hội đồng nhân dân như quy định thời gian quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội.

- Nghị định số 45/2019/NĐ-CP ngày 21/5/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Du lịch.

Nội dung vướng mắc: Tại điểm a khoản 16 Điều 7 Nghị định số 45/2019/NĐ-CP quy định biện pháp khắc phục hậu quả: “*Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 8, điểm b khoản 12, điểm a và điểm b khoản 13, khoản 14 Điều này*”.

Tuy nhiên, để xác định được số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính của các đơn vị sai phạm là không khả thi.

Phương án xử lý: Đề nghị Chính phủ có văn bản hướng dẫn cụ thể điểm này.

Pháp luật chưa điều chỉnh:

Nội dung vướng mắc: Đối với sản phẩm tư vấn cần được thực hiện trước khi được quyết định phê duyệt dự án, chưa có các văn bản nào hướng dẫn cụ thể việc thực hiện thanh quyết toán sản phẩm dở dang cho đơn vị tư vấn (trường hợp dừng thực hiện và không phê duyệt được quyết định dự án). Thực tế ở địa phương, chủ đầu tư phải xin ý kiến của UBND tỉnh tổ chức cuộc họp thống nhất giữa các sở, ban, ngành về phương thức thực hiện và cách thức tính toán để



thanh quyết toán sản phẩm dở dang cho đơn vị tư vấn (tổ chức nhiều cuộc họp làm mất nhiều thời gian).

Phương án xử lý: Đề nghị Chính phủ ban hành các quy định hướng dẫn cụ thể hơn nội dung trên, để các đơn vị chức năng địa phương không lúng túng trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ, tránh việc đùn đẩy trách nhiệm.

Thứ ba, đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Khoản 2 Điều 77 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, nêu: “Sau 30 ngày, kể từ ngày niêm yết thông báo mất Giấy chứng nhận tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư”; nhưng tại điểm b khoản 2 Điều 10 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, nêu: “Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đã niêm yết thông báo mất giấy trong thời gian 15 ngày đối với hộ gia đình và cá nhân”. Giữa 2 văn bản không thống nhất về thời gian niêm yết, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát văn bản để quy định cho thống nhất.

- Điểm a khoản 2 Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định: “Trường hợp người đang sử dụng đất do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên nhận chuyển quyền sử dụng đất chỉ có Giấy chứng nhận của bên chuyển quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng, giấy tờ về chuyển quyền sử dụng đất theo quy định thì thực hiện theo quy định như sau: Người nhận chuyển quyền sử dụng đất nộp đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và các giấy tờ về quyền sử dụng đất hiện có”.

Tuy nhiên tại điểm a khoản 4 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT quy định: “Trường hợp nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất mà có hợp đồng hoặc văn bản về chuyển quyền theo quy định nhưng bên chuyển quyền không trao Giấy chứng nhận cho bên nhận chuyển quyền, hồ sơ gồm: Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK; Hợp đồng hoặc văn bản về chuyển quyền đã lập theo quy định”. Giữa hai văn bản chưa thống nhất về yêu cầu nộp các giấy tờ có liên quan, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát văn bản để quy định cho thống nhất.

- Việc xác định hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo khoản 30 Điều 3 Luật Đất đai cho người ngoài địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường tham mưu Chính phủ hướng dẫn cụ thể để dễ áp dụng.

- Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cần quy định cụ thể trường hợp nào cần phải xác minh thực địa, quy định tại điểm d khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn cụ thể để dễ áp dụng.

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thẩm quyền cấp Giấy

chúng nhận quyền sử dụng đất giao cho UBND cấp huyện, cơ quan tài nguyên môi trường cùng cấp tham mưu; chỉ giao nhiệm vụ đo đạc cho Văn phòng và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, không giao chức năng quản lý nhà nước về đất đai cho đơn vị này.

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn quy định đối với trường hợp nhận chuyển nhượng nhưng không giữ các giấy tờ có liên quan; hướng dẫn xử lý đất bãi bồi ven sông và xác định ranh giới (điểm đầu, điểm cuối) đất bãi bồi ven sông để quản lý được dễ dàng hơn.

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường có hướng dẫn về trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng sử dụng đất tạm giao, tạm sử dụng trong thời gian quy định và đất trong hành lang an toàn công trình công cộng nhà nước chưa sử dụng vì chưa có quy định.

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét các đề xuất, kiến nghị để xử lý và tham mưu xử lý:

Đề nghị bổ sung vào Điều 54 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014: *“Xử lý triệt để rác thải từ đất liền ra biển, qua các cửa sông, kênh rạch ra biển”*.

Đề nghị bổ sung quy định: *“Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ứng phó sự cố môi trường do mình gây ra”* vào khoản 1 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

Đề nghị bổ sung: *“Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân; công khai vi phạm của tổ chức cá nhân vi phạm và biện pháp khắc phục ô nhiễm”* vào Điều 43 Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo.

Đề nghị bổ sung: *“Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân xử lý triệt để nước thải, chất thải, rác thải từ đất liền ra biển đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường”* vào Điều 46 Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo.

Đề nghị rà soát các quy định của pháp luật đảm bảo tính thống nhất: Trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai tại điểm c khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai *“Đất được giao, cho thuê không đúng đối tượng hoặc không đúng thẩm quyền”*, nhưng tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai: *“Không thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật Đất đai”*.

Trường hợp tự nguyện trả lại đất để giao lại cho tổ chức tôn giáo thì chưa hợp lý vì thực chất là chủ đất muốn hiến đất cho cơ sở tôn giáo, nên quy định thêm thủ tục cho trường hợp hiến đất cho nhà nước, cho tổ chức tôn giáo.

Thứ tư, đối với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tại Điều 17 Luật Lâm nghiệp quy định chỉ cho thuê rừng sản xuất, trong khi tại Điều 136 và 137 Luật Đất đai quy định cho thuê đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng. Quy định giữa 2 luật chưa thống nhất với nhau, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các bộ, ngành có liên quan rà soát văn bản để tham mưu thực hiện cho thống nhất.

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định, hướng dẫn: Đối với phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng cần giao thẩm quyền cho địa phương; đối với diện tích có hiện trạng là đất rừng nhưng quy hoạch đưa ra khỏi đất rừng cần nghiên cứu giao cho UBND cấp tỉnh lập phương án chuyển mục đích sử dụng rừng chung cho địa phương trình Chính phủ, Quốc hội phê duyệt để đỡ tốn kém thời gian, kinh phí trong quá trình thực hiện.

Thứ năm, đối với Bộ Công an:

Tham mưu Chính phủ chỉ đạo ban hành văn bản quy phạm pháp luật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn PCCC đối với tàu đánh bắt thủy sản.

- Việc thực hiện chế độ báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật:

Thời gian và nội dung báo cáo thực hiện theo Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ và Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Về các điều kiện bảo đảm cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

- Tổ chức bộ máy, biên chế, kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật:

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 14/01/2021 về công tác pháp chế năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc được các cơ quan, đơn vị trang bị tương đối tốt, đảm bảo yêu cầu hoạt động; máy vi tính được kết nối internet phục vụ công tác tra cứu, cập nhật kịp thời văn bản quy phạm pháp luật.

- Công tác phổ biến, tập huấn, hướng dẫn về nghiệp vụ theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Thực hiện các Kế hoạch của UBND tỉnh về theo dõi thi hành pháp luật, Sở Tư pháp ban hành Kế hoạch số 338/KH-STP ngày 24/02/2021 tập huấn kiến thức pháp luật xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật tại các huyện trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Về việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Việc ban hành kế hoạch để triển khai thực hiện kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh ở một số cơ quan, địa phương chưa kịp thời; chưa đảm bảo các nội dung theo yêu cầu về kiểm tra thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm, liên ngành. Quá trình thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật

còn thiếu sự tham gia, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có liên quan. Từ đó dẫn đến kết quả theo dõi thi hành pháp luật chưa tạo được sự lan tỏa trong xã hội, chưa có những kết quả mang tính đột phá, phản ứng chính sách thông qua hoạt động theo dõi thi hành pháp luật còn chậm, việc xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật chưa kịp thời, thiếu triệt để, nhất là những vụ việc gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trong năm đã làm ảnh hưởng đến công tác tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra dẫn đến chưa đạt hiệu quả cao, một số đoàn kiểm tra không thể đi trực tiếp mà chủ yếu kiểm tra thông qua báo cáo, tài liệu.

Nguyên nhân: do một số ngành, đơn vị dành nhiều thời gian cho công tác chuyên môn của ngành và ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến công tác kiểm tra thi hành pháp luật.

b) Về điều kiện bảo đảm cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật tại các cơ quan, đơn vị phần lớn là kiêm nhiệm và ít được tập huấn về công tác này.

Kinh phí theo dõi thi hành pháp luật tại một số đơn vị được cấp còn ít và hạn hẹp, đặc biệt năm nay do dịch bệnh Covid-19 nên kinh phí càng thêm thắt chặt.

Do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp và kéo dài đã ảnh hưởng đến công tác tập huấn, tuyên truyền pháp luật tại một số ngành trên địa bàn tỉnh.

II. KẾT QUẢ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

1. Việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật

a) Nêu tên, số lượng văn bản quy định chi tiết đã được ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu ban hành:

- Trong kỳ báo cáo, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 36 văn bản quy phạm pháp luật gồm 18 nghị quyết; 18 quyết định (*có danh mục văn bản gửi kèm*). Các văn bản ban hành đều đảm bảo về tính hợp hiến, hợp pháp, phù hợp với các quy định của cơ quan nhà nước cấp trên, kịp thời, đúng tiến độ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

b) Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành hoặc tham mưu ban hành văn bản quy định chi tiết và tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản quy định chi tiết:

- Về công tác kiểm tra văn bản: tự kiểm tra 15 quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Kết quả kiểm tra văn bản được ban hành đúng thẩm quyền và



trình tự theo quy định của pháp luật, nội dung, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản không phát hiện có sai sót. Đến nay, có 14/15 quyết định đang được triển khai thực hiện, 01 quyết định đã hết hiệu lực.

Kiểm tra theo thẩm quyền 04 văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố gửi đến. Kết quả kiểm tra phát hiện Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tư pháp thành phố Hà Tiên có sai sót về nội dung và thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản.

Ban hành Kết luận số 1725/KL-STP ngày 20/8/2021 của Sở Tư pháp kiểm tra Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên theo quy định.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên đã ban hành Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 về việc bãi bỏ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tư pháp thành phố Hà Tiên.

- Về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Tổ chức rà soát tổng số 14 văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ; đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn tham mưu xử lý 14 văn bản sau rà soát (06 nghị quyết và 08 quyết định).

Phối hợp rà soát và tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng và Ủy ban Dân tộc.

Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát tham mưu cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ; đơn đốc Công an tỉnh, Thanh tra tỉnh, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Công Thương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát, xử lý kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành theo căn cứ là các nghị định của Chính phủ và văn bản quy phạm pháp luật của Thanh tra Chính phủ. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo căn cứ là các văn bản của Trung ương.

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 công bố văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh hết hiệu lực năm 2020, gồm 28 văn bản hết hiệu lực toàn bộ (08 nghị quyết, 20 quyết định) và 05 văn bản hết hiệu lực một phần (02 nghị quyết, 03 quyết định).

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 ban hành Danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) được Quốc hội Khóa XIV thông qua



tại kỳ họp thứ 10.

2. Việc bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật

a) Nêu các hoạt động đã thực hiện (tập huấn, phổ biến, kiện toàn tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực thi hành pháp luật, kinh phí, cơ sở vật chất cho thi hành pháp luật):

- Tổng số công chức, viên chức làm công tác pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và doanh nghiệp nhà nước là 36 người, trong đó chuyên trách là 12 người và kiêm nhiệm 24 người. Có 01 cơ quan thành lập Phòng Tổ chức pháp chế là Sở Giao thông vận tải.

- Thường xuyên củng cố, kiện toàn công chức Tư pháp cấp huyện và công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã. Số công chức tư pháp ở cấp huyện là 59 người/15 Phòng Tư pháp, trung bình 3,9 người/phòng; có 51/59 đội ngũ công chức làm việc tại Phòng Tư pháp đạt trình độ Trung cấp Luật trở lên, đạt 86,4% (tăng 3,7% so với cùng kỳ năm 2020); ở cấp xã có 234/253 công chức Tư pháp - Hộ tịch đạt trình độ từ Trung cấp Luật trở lên (đạt 92,4%, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm 2020).

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 11/5/2021 về triển khai thực hiện Thông tư số 07/2020/TT-BTP ngày 21/12/2020 của Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc UBND cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện; Công văn số 802/UBND-NC ngày 11/6/2021 về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Tư pháp; Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang.

- Về kinh phí đảm bảo cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện Nghị quyết số 103/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 163/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 về quy định nội dung, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 164/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 quy định nội dung chi, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Công tác tập huấn: Trong 02 ngày (ngày 23/3 và 25/3/2021) đã tập huấn cho hơn 300 đại biểu tham dự tại UBND huyện Tân Hiệp và UBND huyện Kiên Lương, nội dung tập huấn tập trung vào kỹ năng xác định hành vi vi phạm hành chính, kỹ năng lập biên bản vi phạm hành chính, trình tự ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả; triển khai công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021, hướng dẫn theo dõi tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm liên ngành theo quy định tại Quyết định số 49/QĐ-TTg ngày 13/01/2021 của

Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch của UBND tỉnh; trao đổi, giải đáp những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện pháp luật xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật.

- Công tác bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ: các cơ quan, địa phương xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức theo quy định của ngành và địa phương; cử công chức, viên chức tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ do trung ương và tỉnh tổ chức.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo số 405/BC-UBND ngày 12/11/2021 về đánh giá kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ban hành quyết định thành lập Tổ soạn thảo Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025; công văn đề nghị các sở, ban, ngành tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh cung cấp thông tin đăng tải lên Cổng thông tin điện tử tỉnh; hỗ trợ Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch Kiên Giang về việc chuẩn bị tổ chức Hội nghị Đối thoại doanh nghiệp lần 1 năm 2021; đôn đốc các sở, ban, ngành tỉnh và Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh cung cấp thông tin để Sở Thông tin và Truyền thông đăng lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Ban hành Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 30/9/2021 về việc hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 toàn tỉnh đã thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 theo Chỉ thị số 15/CT-TTg, Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngành Thuế đã ban hành 05 Thông báo về việc thực hiện các biện pháp cấp bách phòng chống dịch Covid-19, hoàn tất các cuộc làm việc với người nộp thuế và tăng cường công tác hỗ trợ người nộp thuế bằng hình thức điện tử qua các kênh Etax, Zalo hoặc số điện thoại di động liên hệ hỗ trợ tất cả các lĩnh vực kê khai thuế, nợ thuế, công nghệ thông tin, bộ phận một cửa giúp người nộp thuế giải quyết các khó khăn vướng mắc một cách kịp thời không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngành Công Thương ban hành các văn bản về hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch Covid-19.

- Kết quả tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật: UBND tỉnh kịp thời ban hành Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 09/8/2017 về triển khai thực hiện Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017 - 2021 trên địa bàn tỉnh và chủ động triển khai đến các báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện và tuyên truyền viên pháp luật cấp xã. Chỉ đạo Sở Tư pháp ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật thường xuyên trên Báo Kiên Giang và Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; kế hoạch tổ chức Hội nghị triển khai các đạo luật mới kỳ 1 năm 2021; kế hoạch mua sách luật và in đề cương giới thiệu luật cấp cho

Đại biểu HĐND tỉnh; kế hoạch tuyên truyền pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. Trong năm, đã tổ chức tuyên truyền trực tiếp 38.025 cuộc với 810.215 lượt (tăng 10.237 cuộc so với cùng kỳ năm 2020); thực hiện tuyên truyền pháp luật theo định kỳ hàng tháng trên Báo Kiên Giang (20 kỳ), Đài Truyền hình (20 kỳ), Truyền thanh (20 kỳ) và 132 tin, bài đăng trên Cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp (trong đó tập trung tuyên truyền về bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; tuyên truyền về phòng, chống dịch Covid-19).

Đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thường xuyên được củng cố kiện toàn. UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1982/UBND-NC ngày 21/10/2021 về việc rà soát, kiện toàn báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật. Tính đến nay, cấp tỉnh có 178 báo cáo viên pháp luật (theo Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh); cấp huyện có 474 báo cáo viên pháp luật; cấp xã có 2.121 tuyên truyền viên pháp luật. Đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật đều đạt tiêu chuẩn theo quy định, có khả năng triển khai tuyên truyền các văn bản của Đảng, Nhà nước; thuyết phục, vận động cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật thường xuyên được kiện toàn và hoạt động tốt, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 và Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 về việc kiện toàn Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp tỉnh; Báo cáo số 468/BC-UBND ngày 23/12/2020 về đánh giá thực trạng tổ chức và hoạt động của Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2020.

Việc triển khai Ngày Pháp luật năm 2021 được UBND tỉnh chỉ đạo kịp thời theo Công văn số 451/UBND-NC ngày 13/4/2021 về hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2021; việc hưởng ứng được thực hiện trên Báo Kiên Giang (01 kỳ), Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh (03 kỳ); trên Cổng thông tin điện tử của các sở, ngành trên địa bàn tỉnh, thực hiện treo các pano, khẩu hiệu hưởng ứng tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 388/UBND-NC ngày 01/4/2021 về đóng góp ý kiến dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 31/8/2021 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 về việc công bố Danh sách 145/145 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020, trong đó có 144 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (tăng 3,1% so với kết quả cùng kỳ năm 2019).

Kết quả triển khai thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở: Trong năm, các Tổ hòa giải ở cơ sở tiếp nhận 2.509 vụ, đưa ra hoà giải 2.418 vụ, hoà giải thành 2.018 vụ, đạt tỷ lệ 83,5% (giảm 0,3% so với cùng kỳ năm 2020).

Kinh phí dành cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở: Trong năm 2021, UBND các cấp đều cấp kinh phí bảo đảm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở để các sở, ban, ngành, tổ chức và địa phương thực hiện theo quy định, trong đó giao kinh phí cho Sở Tư pháp là 1.172.000.000 đồng.

b) Đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ của công tác tập huấn, phổ biến pháp luật; tính phù hợp về tổ chức bộ máy, mức độ đáp ứng nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, kinh phí cho thi hành pháp luật

- Chất lượng đội ngũ pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh ngày càng được nâng cao với 18 Cử nhân luật, 07 Thạc sĩ và 11 người thuộc chuyên môn khác. Đội ngũ được phân công nhiệm vụ thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố cơ bản đảm bảo về số lượng và chất lượng, tuy nhiên số công chức, viên chức ở các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố vẫn còn kiêm nhiệm công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị được các cơ quan, đơn vị trang bị tương đối tốt, đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ được giao; kinh phí được phân bổ và sử dụng theo đúng quy định của pháp luật, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

3. Việc tuân thủ pháp luật

a) Tình hình tuân thủ pháp luật của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền

- Nêu các hoạt động thi hành pháp luật đã thực hiện của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền (trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật, trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị, khởi kiện hành chính):

Năm 2021, Thanh tra toàn tỉnh đã triển khai 77 cuộc, kết thúc 57 cuộc. Qua thanh tra phát hiện sai phạm là 20.100 triệu đồng, kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước 13.875 triệu đồng, xử lý khác 6.225 triệu đồng. Xử lý hành chính đối với 71 tập thể, 191 cá nhân và chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra 02 vụ việc với 04 đối tượng có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự.

Trong đó, Thanh tra tỉnh triển khai 07 cuộc, đã ban hành kết luận 06 cuộc. Qua thanh tra phát hiện sai phạm 8.740 triệu đồng, kiến nghị thu hồi nộp NSNN 7.417 triệu đồng, xử lý khác 1.323 triệu đồng (đã thu 7.231 triệu đồng, đạt 97,49%); kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo UBND huyện U Minh Thượng ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu các dự án trên địa bàn huyện đối với 01 doanh nghiệp. Xử lý hành chính đối với 29 tập thể, 36 cá nhân (chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra 01 vụ việc của năm 2020).

Qua kiểm sát hai cấp đã ban hành 14 kiến nghị yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cùng cấp khắc phục vi phạm trong việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, được chấp nhận chỉ đạo thực

KIẾN NGHỊ

hiện. Trực tiếp kiểm sát 11 cuộc đối với Cơ quan điều tra cùng cấp về công tác giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, có ban hành kết luận từng cuộc kiểm sát đúng quy định.

Hai cấp Kiểm sát ban hành 14 kiến nghị đối với Cơ quan điều tra yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động tố tụng hình sự và 10 kiến nghị đối với cơ quan liên quan trong công tác áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật, được chấp nhận.

Tòa án hai cấp giải quyết hành chính thụ lý 247 vụ, giải quyết 63 vụ, còn lại 184 vụ, đạt tỷ lệ 25,5%. So với cùng kỳ năm 2020, thụ lý giảm 24 vụ. Qua công tác giải quyết, xét xử sơ thẩm án hành chính có 12 trường hợp Tòa án hai cấp trong tỉnh chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của cá nhân đối với tổ chức (đa số là quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư; cấp hoặc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; gia hạn thời hạn sử dụng đất và quyết định xử phạt vi phạm hành chính).

- Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền:

Thanh tra toàn tỉnh đã tham mưu UBND các cấp, Thủ trưởng các sở, ngành cụ thể hóa và chỉ đạo thực hiện nghiêm các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tích cực tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo cho cán bộ và quần chúng nhân dân.

Trong kỳ báo cáo, toàn tỉnh đã giải quyết được 191/289 đơn khiếu nại, tố cáo (176/271 khiếu nại, 15/18 tố cáo) liên quan đến lĩnh vực giải tỏa bồi thường, việc thực hiện chính sách xã hội, quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên một số lĩnh vực.

Về công tác bồi thường nhà nước: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 08/02/2021 về triển khai công tác bồi thường nhà nước năm 2021 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo số 277/BC-UBND ngày 30/7/2021 về kết quả thực hiện Nghị quyết số 134/2020/QH14 của Quốc hội khóa XIV về tình hình giải quyết vụ, việc yêu cầu bồi thường nhà nước năm 2021 theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; ban hành kế hoạch kiểm tra công tác bồi thường nhà nước năm 2021 trên địa bàn tỉnh; công văn về việc gửi tờ rơi hướng dẫn kỹ năng, nghiệp vụ về công tác bồi thường nhà nước đến công chức đầu mối các sở, ngành và các huyện, thành phố. Trong năm, tỉnh không có phát sinh trường hợp yêu cầu bồi thường nhà nước.

Tỷ lệ giải quyết án hành chính còn thấp do các cơ quan chức năng chậm trả lời yêu cầu cung cấp thủ tục, quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất..., cho đến nay toàn tỉnh vẫn còn nhiều công văn, quyết định tố tụng Tòa án



hai cấp đang chờ kết quả trả lời của các cơ quan, tổ chức và người có thẩm quyền trong tỉnh.

Việc tham gia tố tụng của người bị kiện trong các vụ án hành chính có chuyển biến hơn trước khi thực hiện quy chế phối hợp với Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, tuy nhiên do các đồng chí là lãnh đạo bận nhiều công tác nên việc tham gia các phiên đối thoại, phiên tòa còn hoãn lại nhiều lần.

b) Tình hình tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân

- Nêu số lượng vụ việc vi phạm pháp luật thuộc lĩnh vực theo dõi (vi phạm hình sự, hành chính, dân sự, kỷ luật):

Tòa án hai cấp thụ lý 1.170 vụ 20.38 bị cáo, giải quyết 915 vụ 1.492 bị cáo, đạt 78,2%, còn lại 255 vụ 546 bị cáo trong đó có 02 vụ 02 bị cáo đang tạm đình chỉ. Qua công tác xét xử đã tuyên: phạt tiền 96 bị cáo, cải tạo không giam giữ 97 bị cáo, cho hưởng án treo 56 bị cáo, trục xuất 01 bị cáo, tù từ 3 năm trở xuống 682 bị cáo, tù từ trên 3 năm đến 7 năm 121 bị cáo, tù từ trên 7 năm đến 15 năm 70 bị cáo, tù từ 15 năm đến 20 năm 10 bị cáo, chung thân 02 bị cáo.

Thụ lý 10.846 vụ, việc, giải quyết 6.786 vụ việc, còn lại 4.060 vụ việc các loại đạt tỷ lệ 62,56% (cụ thể: Dân sự thụ lý 5.680 vụ việc, giải quyết 2.482 vụ việc, còn lại 3.198 vụ việc; Hôn nhân và Gia đình thụ lý 4.624 vụ việc, giải quyết 3.875 vụ việc, còn lại 749 vụ việc; Kinh doanh thương mại thụ lý 190 vụ, giải quyết 92 vụ, còn lại 98 vụ việc; Lao động thụ lý 16 vụ, giải quyết 02 vụ, còn lại 12 vụ; Áp dụng biện pháp xử lý hành chính thụ lý 336 việc, giải quyết 335 việc, còn lại 01 việc.

Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành 152 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; 26 quyết định tịch thu tang vật; 04 quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; 01 quyết định cưỡng chế; 02 công văn không ban hành quyết định cưỡng chế; 31 hồ sơ có văn bản không xử phạt; hồ sơ còn lại đã trình và đang xử lý.

- Đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân.

Trong năm, trên địa bàn tỉnh vẫn còn xảy ra một số vụ việc khiếu nại đông người, chủ yếu là các vụ việc cũ ở huyện Hòn Đất, Giang Thành, các hộ này tập trung khiếu kiện tại trụ sở Ban Tiếp công dân Trung ương và trụ sở Ban Tiếp công dân tỉnh. Nhìn chung một bộ phận người dân nhận thức pháp luật còn hạn chế nên bị các đối tượng khác lôi kéo, kích động để khiếu nại không đúng quy định của pháp luật; hoạt động quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực vẫn còn sơ hở, thiếu sót, nhất là các lĩnh vực đất đai, đầu tư xây dựng, quản lý tài chính ngân sách...

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan không hợp tác, việc đo đạc, xác định ranh đất tranh chấp gặp nhiều khó khăn. Tình trạng đưng sù, một số đối tượng cản trở, gây khó khăn cho công tác thẩm tra xác minh tại chỗ, công tác thẩm định giá trong các vụ án liên quan đến đất đai, manh động gây khó khăn trong công tác giải quyết án của Tòa án hai cấp, dẫn đến việc giải quyết vụ án

kéo dài và ngày càng phức tạp.

4. Nhận định chung về kết quả theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật

Nêu nhận định về tác động của việc thi hành các quy định pháp luật đối với đời sống kinh tế, xã hội (tác động tích cực, tác động tiêu cực):

Nhìn chung công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật luôn được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện, tạo nhiều chuyển biến tích cực. Trong năm đã ban hành kịp thời các văn bản triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được tổ chức thực hiện bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Tình hình tuân thủ pháp luật của các cơ quan, đơn vị, cá nhân ngày càng được cải thiện, ý thức tuân thủ pháp luật đã được nâng lên. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền tuân thủ quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung. Đồng thời, đã nêu cao tinh thần trách nhiệm của mình trong quá trình giải quyết.

Tuy nhiên, công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Kết quả theo dõi thi hành pháp luật chưa tạo được sự lan tỏa trong xã hội, chưa có những kết quả mang tính đột phá, phản ứng chính sách thông qua hoạt động theo dõi thi hành pháp luật còn chậm, việc xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật chưa kịp thời, thiếu triệt để, nhất là những vụ việc gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Nhận thức của các cấp, các ngành đối với công tác theo dõi thi hành pháp luật thuộc thẩm quyền quản lý chưa cao, chưa thể hiện được vai trò, nhiệm vụ của công tác này cho phát triển kinh tế - xã hội thì chưa giúp được nhiều cho công tác hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật. Mặt khác, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật đã triển khai thực hiện nhưng đối với các cấp, các ngành trong việc thực hiện theo dõi thi hành pháp luật là công việc khá mới mẻ nên nhận thức về vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật còn ở mức độ nhất định. Việc phối hợp trong việc theo dõi thi hành pháp luật còn hạn chế.

Bên cạnh đó, tình hình thi hành pháp luật còn hạn chế có cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan bắt nguồn từ kinh tế, đời sống khó khăn, đạo đức xã hội xuống cấp, ảnh hưởng của mạng xã hội tác động xấu đến hành vi, nhận thức; công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn thiếu sót, ý thức chấp hành pháp luật của một số bộ phận chưa cao.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Về các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật

Đối với Bộ Tư pháp: Tiếp tục đẩy mạnh việc phổ biến, tuyên truyền, tập

ngày 23/7/2012 của Chính phủ; Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP.

2. Về các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật

Đối với Bộ Tư pháp: Sớm trình Chính phủ đề nghị xây dựng Luật Tổ chức thi hành pháp luật, để kịp thời thực hiện có hiệu quả “Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật” giai đoạn năm 2018 - 2022 ban hành kèm theo Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 26/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế, để kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác pháp chế cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

Hướng dẫn, thực hiện các biện pháp tăng cường năng lực phản ứng chính sách trong quá trình tổ chức thi hành pháp luật, nhất là trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; chú trọng đối thoại với doanh nghiệp, người dân về vướng mắc, bất cập trong thực thi chính sách, pháp luật.

Trên đây là Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2021. / *ht*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy;
- TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể cấp tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Sở Tư pháp (02b);
- LĐVP, P.NC;
- Lưu: VT, hvathien.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Chín

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 447/BC-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

| STT | Loại văn bản | Số, ký hiệu văn bản | Trích yếu nội dung văn bản | Ngày ban hành | Ngày có hiệu lực |
|-----|--------------|---------------------|--|---------------|------------------|
| 1 | Nghị quyết | 503/2020/NQ-HĐND | Kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 81/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng BHYT từ ngân sách địa phương đối với người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và học sinh sinh viên giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 08/12/2020 | 23/12/2020 |
| 2 | Nghị quyết | 504/2020/NQ-HĐND | Về việc kéo dài thời gian thực hiện thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017-2020 đến hết năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 08/12/2020 | 23/12/2020 |
| 3 | Nghị quyết | 505/2020/NQ-HĐND | Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 08/12/2020 | 23/12/2020 |
| 4 | Nghị quyết | 519/2020/NQ-HĐND | Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 23/12/2020 | 23/12/2020 |
| 5 | Nghị quyết | 520/2020/NQ-HĐND | Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 23/12/2020 | 23/12/2020 |
| 6 | Nghị quyết | 521/2020/NQ-HĐND | Về danh mục dự án, công trình phải điều chỉnh, huỷ bỏ trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 23/12/2020 | 07/01/2021 |
| 7 | Nghị quyết | 536/2021/NQ-HĐND | Quy định tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 14/01/2021 | 29/01/2021 |
| 8 | Nghị quyết | 537/2021/NQ-HĐND | Quy định phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi | 14/01/2021 | 29/01/2021 |



| | | | | | |
|----|------------|------------------|---|------------|------------|
| | | | trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | | |
| 9 | Nghị quyết | 538/2021/NQ-HĐND | Phân cấp nhiệm vụ chi và định mức chi nhiệm vụ, dự án tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 14/01/2021 | 29/01/2021 |
| 10 | Nghị quyết | 539/2021/NQ-HĐND | Quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 14/01/2021 | 29/01/2021 |
| 11 | Nghị quyết | 549/2021/NQ-HĐND | Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khu phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 14/01/2021 | 29/01/2021 |
| 12 | Nghị quyết | 550/2021/NQ-HĐND | Quy định phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 14/01/2021 | 29/01/2021 |
| 13 | Nghị quyết | 567/2021/NQ-HĐND | Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ thực hiện công tác bầu cử Đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 18/3/2021 | 28/3/2021 |
| 14 | Nghị quyết | 01/2021/NQ-HĐND | Về việc quy định mức chi hỗ trợ cho lực lượng làm nhiệm vụ tại các chốt kiểm soát phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 01/7/2021 | 01/7/2021 |
| 15 | Nghị quyết | 02/2021/NQ-HĐND | Quy định mức phụ cấp hàng tháng đối với ấp (khu) đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 06/10/2021 | 16/10/2021 |
| 16 | Nghị quyết | 03/2021/NQ-HĐND | Quy định chế độ hỗ trợ cho người hoạt động không chuyên trách xã, phường, thị trấn và ở ấp, khu phố thôi việc do sắp xếp tổ chức bộ máy trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 06/10/2021 | 16/10/2021 |

| | | | | | |
|----|------------|-----------------|---|------------|------------|
| 17 | Nghị quyết | 04/2021/NQ-HĐND | Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển thể thao trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 06/10/2021 | 16/10/2021 |
| 18 | Nghị quyết | 05/2021/NQ-HĐND | Quy định mức thu hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 06/10/2021 | 16/10/2021 |
| 19 | Quyết định | 21/2020/QĐ-UBND | Giao số lượng và bố trí cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 01/12/2020 | 15/12/2020 |
| 20 | Quyết định | 22/2020/QĐ-UBND | Quyết định quy định trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 01/12/2020 | 15/12/2020 |
| 21 | Quyết định | 23/2020/QĐ-UBND | Quyết định ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 01/12/2020 | 15/12/2020 |
| 22 | Quyết định | 24/2020/QĐ-UBND | Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2021 | 21/12/2020 | 01/01/2021 |
| 23 | Quyết định | 25/2020/QĐ-UBND | Ban hành Quy chế quản lý kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 21/12/2020 | 01/01/2021 |
| 24 | Quyết định | 26/2020/QĐ-UBND | Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 22/12/2020 | 01/01/2021 |
| 25 | Quyết định | 27/2020/QĐ-UBND | Quyết định về việc quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2030 | 24/12/2020 | 04/01/2021 |
| 26 | Quyết định | 01/2021/QĐ-UBND | Về việc quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2021 | 12/01/2021 | 23/01/2021 |
| 27 | Quyết định | 02/2021/QĐ-UBND | Quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 30/3/2021 | 09/4/2021 |
| 28 | Quyết định | 03/2021/QĐ-UBND | Ban hành Quy định tiêu chí đặc thù về đóng mới, cải | 15/4/2021 | 29/4/2021 |

| | | | | | |
|----|------------|-----------------|--|------------|------------|
| | | | hoán, thuê, mua tàu cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | | |
| 29 | Quyết định | 05/2021/QĐ-UBND | Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 24/6/2021 | 05/7/2021 |
| 30 | Quyết định | 06/2021/QĐ-UBND | Ban hành Quy chế quản lý Khu Bảo tồn biển Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang | 02/7/2021 | 15/7/2021 |
| 31 | Quyết định | 07/2021/QĐ-UBND | Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 27/7/2021 | 10/8/2021 |
| 32 | Quyết định | 08/2021/QĐ-UBND | Về việc quy định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang | 27/7/2021 | 10/8/2021 |
| 33 | Quyết định | 09/2021/QĐ-UBND | Ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang | 04/8/2021 | 16/8/2021 |
| 34 | Quyết định | 10/2021/QĐ-UBND | Ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang | 04/8/2021 | 16/8/2021 |
| 35 | Quyết định | 11/2021/QĐ-UBND | Quy định điều kiện tách thửa, điều kiện hợp thửa và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | 16/8/2021 | 26/8/2021 |
| 36 | Quyết định | 12/2021/QĐ-UBND | Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang | 03/11/2021 | 15/11/2021 |